TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS - ST
Ngày 13 tháng 02 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng M Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2022/TLST-DS ngày 03/10/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXX-ST ngày 30/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08A/2023/QĐST-DS ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

***Bị đơn:**

1. Ông V Văn N, sinh năm 1981. (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Đều trú tại: Số nhà 83, đường Hoàng Văn Thụ, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Triệu Ngọc C, sinh năm 1966 (chết ngày 12/6/2021)

Người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Triệu Ngọc C là:

- Anh Triệu Tuấn V, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 58, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- Anh Triệu Bảo M, sinh năm 2007; Địa chỉ: Tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1944; Địa chỉ: Thôn Quỳnh Lâu, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng với ông V Văn N và bà Trần Thị M nên trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, vợ chồng bà H và ông C có cho vợ chồng ông N, bà M vay làm nhiều lần tổng cộng khoảng 70 tỷ. Về lãi suất không ghi vào trong giấy vay nhưng có thoản thuận ngoài là 2,5%/tháng.

Mục đích vay là để kinh doanh bất động sản và phát triển kinh tế cho gia đình M, N.

Việc cho vay một số mã thì có lập hợp đồng, một số mã thì không lập hợp đồng vay nhưng chuyển khoản qua ngân hàng có ghi nội dung cho M, N vay. Những mã vay có lập hợp đồng vay thì bà H đưa tiền trực tiếp cho vợ chồng M, N. Những mã vay chuyển khoản qua Ngân hàng thì đa số là chuyển khoản vào tài khoản của ông N, còn lại là chuyển vào một số chủ tài khoản do M, N yêu cầu.

Quá trình vay ông N, bà M đã trả được cho vợ chồng bà H số tiền gốc vay khoảng 25 tỷ đồng. Còn lại khoảng 45 tỷ tiền gốc và lãi suất phát sinh thì chưa trả được đồng nào.

Nguồn gốc tiền vợ chồng bà H cho M, N vay chủ yếu là tiền do vợ chồng bà H vay của nhiều người. Do có nhiều người đòi nợ và khởi kiện vợ chồng bà H ra Toà nên Bà H đã đòi vợ chồng M, N trả nợ nhưng vợ chồng M N nhất định không trả.

Ngày 08/8/2022 bà H đã gặp được bà M để chốt nợ. Bà M đồng ý chốt nợ với số tiền N, M còn nợ vợ chồng bà H gốc vay là 35 tỷ đồng (chưa tính lãi). Nhưng thực tế số nợ là khoảng 45 tỷ đồng. M cam kết sau này làm ăn được sẽ trả lãi từ ngày 08/8/2022 theo lãi suất Ngân hàng.

Số tiền cho vay một phần là tiền chung của bà H và ông C, một phần là do

vợ chồng bà H đi vay của hơn 10 người. Hiện có 4 bản án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H, ông C và một số người cho vay đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành án thi hành cưỡng chế tài sản nhà đất của vợ chồng bà H.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Toà án tuyên buộc ông V Văn N và bà Trần Thị M phải trả cho bà H và hàng thừa kế thứ nhất của ông C (gồm bà M, bà H, anh V và anh M) số tiền gốc vay là 35 tỷ đồng.

Về lãi suất: Tính từ ngày 08/8/2022 đến ngày toà án xét xử nhưng tính tròn 45 tháng nhân với lãi suất 0,83%/tháng. Cụ thể như sau:

35.000.000.000đ x 0,83%/tháng x 45 tháng = 13.072.500.000đ.

Tổng cộng gốc lãi là:

35.000.000.000đ + 12.782.000.000đ = 47.782.000.000đ.

(Bốn mươi bẩy tỷ bẩy trăm tám mươi hai triệu đồng)

Bị đơn ông V Văn N và bà Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Do ông N và bà M thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Triệu Tuấn V, anh Triệu Ngọc M (là con ông C và bà H) và bà Hoàng Thị M (là mẹ ông C) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy: Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tòa tài sản của người có nghĩa vụ" là cần thiết, bảo đảm việc thi hành án cho bà Nguyễn Thị H. Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2022 đối với …

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn va người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định. Bị đơn vắng mặt các phiên hòa giải, triệu tập của Tòa án đã không chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về gốc vay: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông V Văn N và bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị H và hàng thừa

kế thứ nhất của ông C số tiền gốc vay 35.000.000.000đ.

Về lãi suất:

35.000.000.000đ x 0,83%/tháng; 0,027%/ngày x 4 tháng 16 ngày = 1.313.200.000đ.

Tổng cộng gốc, lãi ông V Văn N và bà Trần Thị M phải trả là:

35.000.000.000đ + 1.313.200.000đ = 36.313.200.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V Văn N và bà Trần Thị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. Bị đơn là ông V Văn N và bà Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo như quy định tại Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nơi ký kết và thực hiện hợp đồng vay tài sản ở thành phố Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] *Về số tiền gốc vay:* Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N và bà M phải trả cho bà H và hàng thừa kế thứ nhất của ông C số tiền gốc vay là 35.000.000.000đ.

Xét thấy: Mặc dù ông N và bà M không đến phiên tòa theo như giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy vay tiền mà bà H đã giao nộp thì trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến 2018, vợ chồng bà H, ông C đã cho vợ chồng

ông N, bà M vay tổng số tiền là: 35.000.000.000 đồng. Khi vay giữa ông N và bà M có bàn bạc thống nhất và có giấy vay thì ông N ký và có giấy vay thì bà M ký; Mục đích vay là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông N và bà M phải trả cho bà H và hàng thừa kế thứ nhất của ông C số tiền gốc vay là 35.000.000.000 đồng.

[2.2] *Về số tiền lãi vay:*

Do trong giấy vay tiền bà M thỏa thuận sau này làm ăn được sẽ thanh toán lãi từ ngày hôm này (08/8/2022) bằng lãi ngân hàng. Do vậy, chỉ có cơ sở tính lãi từ ngày phát sinh tranh chấp. Trong giấy vay cũng không ghi ngày trả tiền vay. Do không có cơ sở để xác định ngày tranh chấp nên chỉ xác định ngày phát sinh tranh chấp là ngày bà H khởi kiện 27/9/2022 đến ngày tòa án xét xử là 4 tháng 16 ngày nhân với lãi suất 10%/năm, 0.83%/tháng. Cụ thể:

35.000.000.000đ x 0,83%/tháng; 0,027%/ngày x 4 tháng 16 ngày = 1.313.200.000đ.

Tổng cộng gốc, lãi ông V Văn N và bà Trần Thị M phải trả là:

35.000.000.000đ + 1.313.200.000đ = 36.313.200.000đ.

[2.3] Nguồn gốc tài sản cho vay là của vợ chồng bà H và ông C làm ra và đi vay của nhiều người nên cần buộc bà M và ông N phải trả số tiền vay cho bà H và ông C. Do ông C chết ngày 12/6/2021 nên cần buộc ông V Văn N và bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị H và hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Ngọc C (gồm anh Triệu Tuấn V, anh Triệu Ngọc M và bà Hoàng Thị M) là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *"phong tòa tài sản của người có nghĩa vụ"* theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2022.

Bà H đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang để đảm bảo thi hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do ông N và bà M còn nợ bà H và bà Dung số tiền 36.313.200.000đ. Để đảm bảo việc thi hành án cho bà H, cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2022.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và bà M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 357, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông V Văn N và bà Trần Thị M.

Buộc ông V Văn N và bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị H và hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Ngọc C (gồm anh Triệu Tuấn V, anh Triệu Ngọc M và bà Hoàng Thị M) số tiền gốc, lãi vay tổng cộng là 36.313.200.000đ (đồng). Trong đó: Gốc vay là 35.000.000.000đ; lãi vay là 1.313.200.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang để đảm bảo thi hành án.

Dỡ bỏ biện pháp phong tỏa/đóng tài khoản thanh toán đối với số tiền bị phong tỏa là 186.962.000đ*(Một trăm tám mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* của tài khoản 2501205206088, chủ tài khoản bà Ngô Thị Xuyên mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II. Địa chỉ: số 45 đường Ngô Gia Tự, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V Văn N và bà Trần Thị M phải chịu .000 đồng (*Một trăm mười tám triệu ba trăm bốn mươi bẩy nghìn đồng).*

Trả lại bà …

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**